

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc giao kế hoạch đầu tư công trung hạn
giai đoạn 2016 – 2020 (nguồn vốn ngân sách thị xã)**

ỦY BAN NHÂN DÂN THỊ XÃ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công số 49/2014/QH13 ngày 18/6/2014;

Căn cứ Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg ngày 14/9/2015 của Thủ tướng Chính phủ về các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư phát triển bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước giai đoạn 2016-2020;

Căn cứ Nghị định số 77/2015/NĐ-CP ngày 10/9/2015 về kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm;

Căn cứ Nghị định số 136/2015/NĐ-CP ngày 31/12/2015 của Chính phủ về việc Hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Căn cứ Nghị quyết số 23/NQ-HĐND ngày 20/12/2017 của HĐND thị xã Ayun Pa khóa XII – kỳ họp thứ Tư về việc phê duyệt điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020 (nguồn ngân sách thị xã);

Xét đề nghị của Trưởng phòng Tài chính – Kế hoạch,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giao kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016 – 2020 nguồn vốn ngân sách thị xã cho các phòng, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các xã, phường, các chủ đầu tư trên địa bàn thị xã để triển khai thực hiện với tổng nguồn vốn đầu tư: 162.264 triệu đồng (Một trăm sáu mươi hai tỷ, hai trăm sáu mươi bốn triệu đồng). Trong đó:

- Năm 2016: 18.715 triệu đồng. Bao gồm: Nguồn vốn tỉnh phân cấp: 14.200 triệu đồng, nguồn vốn thu tiền sử dụng đất: 4.515 triệu đồng.

- Năm 2017: 49.538 triệu đồng. Bao gồm: Nguồn vốn tỉnh phân cấp: 14.200 triệu đồng, nguồn vốn thu tiền sử dụng đất: 5.006 triệu đồng, nguồn vốn chính trang đô thị: 4.000 triệu đồng, nguồn thu để lại cho đầu tư nhưng chưa đưa vào cân đối ngân sách địa phương: 1.090 triệu đồng, nguồn đấu giá đất năm 2016 chuyển nguồn sang năm 2017: 9.874,145 triệu đồng, nguồn kết dư ngân sách thị xã năm 2016: 7.256,990 triệu đồng, nguồn đấu giá đất tăng thu năm 2017: 1.750 triệu đồng, các nguồn vốn hợp pháp khác: 6.361,040 triệu đồng.

- Năm 2018: 32.233 triệu đồng. Bao gồm: Nguồn vốn tỉnh phân cấp: 14.200 triệu đồng, nguồn vốn thu tiền sử dụng đất: 6.520 triệu đồng, nguồn vốn chính trang đô thị: 1.711 triệu đồng, nguồn kết dư ngân sách thị xã: 2.425 triệu đồng, các nguồn vốn hợp pháp khác: 7.377 triệu đồng.

- Năm 2019: 30.965 triệu đồng. Bao gồm: Nguồn vốn tỉnh phân cấp: 14.200 triệu đồng, nguồn vốn thu tiền sử dụng đất: 6.005 triệu đồng, nguồn vốn chính trang đô thị: 4.000 triệu đồng, nguồn kết dư ngân sách thị xã: 2.000 triệu đồng, các nguồn vốn hợp pháp khác: 4.760 triệu đồng.

- Năm 2020: 30.813 triệu đồng. Bao gồm: Nguồn vốn tỉnh phân cấp: 14.200 triệu đồng, nguồn vốn thu tiền sử dụng đất: 7.500 triệu đồng, nguồn vốn chính trang đô thị: 4.000 triệu đồng, nguồn kết dư ngân sách thị xã: 1.480 triệu đồng, các nguồn vốn hợp pháp khác: 3.633 triệu đồng.

(Có bảng danh mục kèm theo).

Điều 2. Căn cứ vào kế hoạch này, các chủ đầu tư, chủ dự án tổ chức thực hiện theo đúng quy định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 313/QĐ-UBND ngày 29/12/2015 của UBND thị xã Ayun Pa về việc phê duyệt kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016 – 2020 đã ban hành.

Điều 4. Chánh Văn phòng HĐND - UBND thị xã, Trưởng Phòng Tài chính - Kế hoạch, Giám đốc Kho bạc Nhà nước, Thủ trưởng các phòng, ban, ngành, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, các chủ đầu tư và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- TT Thị ủy (b/c);
- TT HĐND tx (b/c);
- Sở KH-ĐT (b/c);
- Sở Tài chính (b/c);
- CT, các PCT UBND thị xã;
- Ban KT-XH HĐND tx;
- Như Điều 4;
- Lưu VT *glu*

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



Nguyễn Văn Lộc

DANH MỤC KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2016 - 2020

Ngân sách thị xã

(Kèm theo Quyết định số: 354/QĐ-UBND ngày 28 tháng 12 năm 2017 của Ủy ban nhân dân thị xã Ayun Pa)

ĐVT: Triệu đồng

Số TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Quy mô, thiết kế	Thời gian KC-HT	Dự kiến Tổng mức đầu tư	Dự kiến Kế hoạch vốn	Sự cần thiết đầu tư	Chủ đầu tư
	TỔNG CỘNG				170.657,000	162.264,000		
	NĂM 2016				32.302,951	18.715,000		
I	Nguồn vốn tỉnh phân cấp				26.646,951	14.200,000		
a	Công trình chuyển tiếp				9.805,000	2.544,000		
1	Nhà làm việc các phòng ban	Phường Đoàn kết	Nhà cấp III, 3 tầng; DTXD: 513,42m ² ; DT sản: 1.400m	2015-2016	9.804,849	2.544,000	Công trình chuyển tiếp	Ban quản lý các dự án ĐT XD CB thị xã
b	Công trình khởi công mới				14.427,951	9.242,000		
b1	Lĩnh vực giáo dục-ĐT (tối thiểu 30%)				7.961,328	5.513,000		
1	Trường MG Hoa Sen	Phường Sông Bờ	Phòng họp hội đồng 100m ² + trang thiết bị; nhà làm việc của BGH: 90m ² ; nhà bếp 100m ² ; hàng rào 428m	2016-2017	2.680,000	1.585,000	Hiện trạng nhà hiệu bộ xuống cấp	Ban quản lý các dự án ĐT XD CB thị xã
2	Trường TH Võ Thị Sáu	Phường Đoàn kết	Hàng rào kín dài 150m, cao 2m.	2016	330,000	323,000	Tăng cường cơ sở vật chất	Ban quản lý các dự án ĐT XD CB thị xã
3	Trường MN Tuổi Thơ; Hạng mục: Hàng rào, sân bê tông	Xã Chư Băh	Hàng rào 264m	2016	525,000	500,000	Tăng cường cơ sở vật chất	Ban quản lý các dự án ĐT XD CB thị xã
4	Trường TH Nguyễn Trãi	Xã La Sao	Hàng rào 150m; sửa chữa phòng họp hội đồng.	2016	1.400,328	1.102,000	Tăng cường cơ sở vật chất	Ban quản lý các dự án ĐT XD CB thị xã
5	Trường MG Hoa Hồng	Phường Hòa Bình	Nhà bếp 80m ²	2016	320,000	305,000	Thay thế nhà bếp tạm	Ban quản lý các dự án ĐT XD CB thị xã

Số TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Quy mô, thiết kế	Thời gian KC-HT	Dự kiến Tổng mức đầu tư	Dự kiến Kế hoạch vốn	Sự cần thiết đầu tư	Chủ đầu tư
6	Nhà hiệu bộ Trường THCS Dân tộc nội trú	Phường Đoàn Kết	Nhà cấp 4; DTXD 150m2;	2016	637,000	608,000	Hiện trạng nhà Hiệu bộ xuống móng, tường bị nứt nghiêm trọng.	Ban quản lý các dự án DT XD CB thị xã
7	Trường tiểu học Bùi Thị Xuân	Xã Chư Băh	Nhà cấp 4; DTXD 150m2; san lấp mặt bằng; sân bê tông.	2016-2017	2.069,000	1.090,000	Đạt chuẩn QG cấp độ 1	Ban quản lý các dự án DT XD CB thị xã
b2	Các lĩnh vực khác				6.466,623	3.729,000		
1	Kè đá, sửa chữa nhà làm việc UBND xã Ia Rbol	Xã Ia Rbol	Kè đá dài 80m; sửa chữa nhà làm việc	2016	353,050	216,000	Móng trụ sở bị lún.	Ban quản lý các dự án DT XD CB thị xã
2	Cải tạo sửa chữa trụ sở UBND thị xã (NLV phòng Tài nguyên Môi trường, VP đăng ký sử dụng đất)	Phường Đoàn kết	Cải tạo nhà làm việc	2016	823,000	785,000	Trụ sở xuống cấp	Ban quản lý các dự án DT XD CB thị xã
3	Cải tạo nhà làm việc cơ quan quản sự xã Ia Sao.	Xã Ia Sao	Cải tạo nhà làm việc; trang thiết bị	2016	138,000	126,000	Hoàn thiện đề án, đầu tư cơ sở vật chất	Ban quản lý các dự án DT XD CB thị xã
4	Cải tạo nhà làm việc cơ quan quản sự xã Ia Rô.	Xã Ia Rô	Cải tạo nhà làm việc; trang thiết bị	2016	33,000	31,000	Hoàn thiện đề án, đầu tư cơ sở vật chất	Ban quản lý các dự án DT XD CB thị xã
5	Sửa chữa trụ sở UBND phường Sông Bô	Phường Sông Bô	Cải tạo nhà làm việc	2016	597,660	451,000	Trụ sở xuống cấp	Ban quản lý các dự án DT XD CB thị xã
6	Nhà sinh hoạt tổ dân phố 7, phường Sông Bô	Phường Sông Bô	Diện tích xây dựng 150m2	2016	350,000	150,000	Tạo điều kiện cho nhân dân hội họp, giao lưu văn hóa.	UBND phường Sông Bô
7	Hệ thống nước sạch Tở 9 phường Sông Bô	Phường Sông Bô	Chiều dài 780m	2016	871,913	770,000	Hiện chưa có nước sạch	Ban quản lý các dự án DT XD CB thị xã
8	Cải tạo, mở rộng Quảng trường 19/3	Phường Đoàn Kết	Hàng mục: San lấp mặt bằng; sân, đường nội bộ, trồng cây.	2016-2017	3.300,000	1.200,000	Chỉnh trang đô thị	Ban quản lý các dự án DT XD CB thị xã
c	Vốn chuẩn bị đầu tư năm 2017 (2%)				284,000	284,000		
d	Dự phòng 10%				1.420,000	1.420,000		
đ	Đầu tư khoa học công nghệ 5%				710,000	710,000		Phòng Kinh tế

Số TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Quy mô, thiết kế	Thời gian KC-HT	Dự kiến Tổng mức đầu tư	Dự kiến Kế hoạch vốn	Sự cần thiết đầu tư	Chủ đầu tư
II	Nguồn vốn thu tiền sử dụng đất							
a	Trích nộp							
1	Trích nộp quỹ p.triển đất 30%				5.656,000	4.515,000		
2	Trích nộp tiền thuê mặt đất, mặt nước				2.040,000	2.040,000		
3	Bổ trí 10% cho công tác đo đạc đăng ký QSDĐ, xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai.				1.350,000	1.350,000		
4	Bổ trí 5% đầu tư khoa học công nghệ				15,000	15,000		
b	Công trình khởi công mới				450,000	450,000		Phòng Tài nguyên môi trường
1	Đường Hoàng Văn Thụ	Phường Đoàn kết	L=384m; trải lớp thảm bê tông nhựa 7cm.		225,000	225,000		Phòng Kinh tế
2	Via hè đường Trần Quốc Toản	Phường Đoàn kết	L=650m; lát gạch block	2016-2017	3.616,000	2.475,000		
	NĂM 2017				2.852,000	1.748,000	Hiện trạng đường đang xuống cấp	Ban quản lý các dự án ĐT XDCB thị xã
I	Nguồn vốn tỉnh phân cấp				764,000	727,000	Chỉnh trang đô thị	Ban quản lý các dự án ĐT XDCB thị xã
a	Công trình chuyển tiếp				59.572,000	49.538,000		
1	Trường tiểu học Bùi Thị Xuân	Xã Chư Băh	Nhà cấp 4; DTXD 150 m2; san lấp mặt bằng; sân bê tông + trang thiết bị.	2016-2017	16.108,500	14.200,000		
						992,000		
2	Trường MG Hoa Sen	Phường Sông Bồ	Phòng họp hội đồng 100m2 + trang thiết bị; nhà làm việc của BGH: 90m2; nhà bếp 100m2; hàng rào 428m	2016-2017		489,000	Đạt chuẩn QG cấp độ 1	Ban quản lý các dự án ĐT XDCB thị xã
b	Công trình khởi công mới					503,000	Hiện trạng nhà hiệu bộ xuống cấp	Ban quản lý các dự án ĐT XDCB thị xã
b1	Lĩnh vực giáo dục-ĐT (tối thiểu 30%)				15.824,500	12.924,000		
					7.500,000	6.169,000		

Số TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Quy mô, thiết kế	Thời gian KC-HT	Dự kiến Tổng mức đầu tư	Dự kiến Kế hoạch vốn	Sự cần thiết đầu tư	Chủ đầu tư
1	Trường THCS Đinh Tiên Hoàng	Xã Ia Rbol	Nhà học bộ môn, thư viện, phòng làm việc, phòng truyền thống, nhà bảo vệ, phòng y tế: DTXD 410m ² ; sân chơi, bãi tập, sân bê tông; thiết bị.	2017	4.500,000	4.050,000	Đạt chuẩn QG cấp độ 1	Ban quản lý các dự án DT và XD CB thị xã
2	Trường mẫu giáo Sơn Ca	Xã Ia Ritô	Nhà bếp 80m ² ; nhà vệ sinh giáo viên và học sinh 90m ² ; phòng thể chất, nghệ thuật 60m ² ; thiết bị; hàng rào 260m; sửa phòng họp hội đồng; nhà xe; sân bê tông.	2017-2018	3.000,000	2.119,000	Đạt chuẩn QG cấp độ 1	Ban quản lý các dự án DT và XD CB thị xã
b2	Các lĩnh vực khác				8.324,500	6.755,000		
1	Nhà sinh hoạt tổ dân phố 02 phường Cheo Reo	Phường Cheo Reo	DT xây dựng 89m ² , DT sử dụng 80m ² , hệ thống điện hoàn chỉnh	2017	329,000	200,000	Tạo điều kiện cho nhân dân hội họp, giao lưu văn hóa.	UBND phường Cheo Reo
2	Nhà sinh hoạt tổ dân phố 03 phường Sông Bờ	Phường Sông Bờ	DT xây dựng 89m ² , DT sử dụng 80m ² , hệ thống điện hoàn chỉnh	2017	329,000	200,000	Tạo điều kiện cho nhân dân hội họp, giao lưu văn hóa.	UBND phường Sông Bờ
3	Nhà sinh hoạt tổ dân phố 06 phường Hòa Bình	Phường Hòa Bình	DT xây dựng 89m ² , DT sử dụng 80m ² , hệ thống điện hoàn chỉnh	2017	305,000	200,000	Tạo điều kiện cho nhân dân hội họp, giao lưu văn hóa.	UBND phường Hòa Bình
4	Nhà sinh hoạt cộng đồng Bôn Hoang 2, xã Ia Sao	Xã Ia Sao	DT xây dựng 89m ² , DT sử dụng 80m ² , hệ thống điện hoàn chỉnh	2017	311,500	200,000	Tạo điều kiện cho nhân dân hội họp, giao lưu văn hóa.	UBND xã Ia Sao
5	Nhà sinh hoạt cộng đồng tổ dân phố 8,9,10 phường Đoàn Kết	Phường Đoàn kết	DT xây dựng 234m ² , hệ thống điện hoàn chỉnh	2017	900,000	600,000	Tạo điều kiện cho nhân dân hội họp, giao lưu văn hóa.	UBND phường Đoàn Kết
6	Trụ sở UBND phường Đoàn Kết	Phường Đoàn kết	Cải tạo trụ sở UBND; Nhà làm việc Ban chỉ huy quân sự DTXD 90m ² ; trang thiết bị.	2017	1.350,000	1.035,000	Hiện trụ sở đang xuống cấp.	Ban quản lý các dự án DT XD CB thị xã

Số TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Quy mô, thiết kế	Thời gian KC-HT	Dự kiến Tổng mức đầu tư	Dự kiến Kế hoạch vốn	Sự cần thiết đầu tư	Chủ đầu tư
7	Hội trường UBND xã Ia Rô	Xã Ia Rô	Nhà cấp 4; DTXD 311,9m ² ; trang thiết bị.	2017	2.000,000	1.800,000	Đạt chuẩn nông thôn mới	Ban quản lý các dự án ĐT XDCB thị xã
8	Trụ sở UBNDTTQ; Hạng mục: Hoa viên, cây xanh	Phường Đoàn kết	Hoa viên, cải tạo bồn hoa, trồng cây xanh, điện trang trí	2017	1.100,000	990,000	Sửa chữa thường xuyên	Ban quản lý các dự án ĐT XDCB thị xã
9	Trụ sở HĐND - UBND thị xã Ayun Pa và Hội trường 10/8; Hạng mục: Sửa chữa trụ sở làm việc, sân nền sân thể thao, sân đường nội bộ, sửa chữa cột cờ, ga ra xe, trồng cỏ + chống thấm và sơn lại Hội trường 10/8	Phường Đoàn kết	Sửa chữa trụ sở làm việc, sân nền sân thể thao, sân đường nội bộ, sửa chữa cột cờ, ga ra xe, trồng cỏ + chống thấm và sơn lại Hội trường 10/8	2017	1.700,000	1.530,000	Sửa chữa thường xuyên	Ban quản lý các dự án ĐT XDCB thị xã
c	Vốn chuẩn bị đầu tư năm 2018 (2%)				284,000	284,000		
II	Nguồn vốn thu tiền sử dụng đất				5.515,000	5.006,000		
a	Trích nộp				2.006,000	2.006,000		
1	Trích nộp quỹ p.triển đất 30%				1.500,000	1.500,000		
2	Trích nộp tiền thuê mặt đất, mặt nước				6,000	6,000		
3	Bổ trí 10% cho công tác đo đạc đăng ký QSDĐ, xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai.				500,000	500,000		Phòng Tài nguyên môi trường
b	Công trình khởi công mới				3.508,523	2.999,940		
1	Hệ thống điện chiếu sáng, mương thoát nước khu dân cư 75 hộ.	Phường Đoàn kết	L=450m, xây dựng hệ thống điện chiếu sáng.	2017	327,300	294,530	Hiện chưa có điện chiếu sáng	Ban quản lý các dự án ĐT XDCB thị xã
2	Via hè đường Trần Phú (bên hông phòng Văn Hóa Thông tin), đường Lý Thái Tổ (bên hông Trường Học Mi).	Phường Đoàn Kết	Lát gạch block 776m ² ; mương thoát nước L=200m.	2017	304,600	274,110	Chỉnh trang đô thị	Ban quản lý các dự án ĐT XDCB thị xã
3	Nâng cấp đường; mương thoát nước trong Bôn Đêr	Phường Chèo Reo	L=850m; nâng cấp đường; xây dựng hệ thống mương thoát nước.	2017	1.200,000	962,000	Hiện trạng đường xuống cấp; chưa có mương thoát nước,	Ban quản lý các dự án ĐT XDCB thị xã

Số TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Quy mô, thiết kế	Thời gian KC-HT	Dự kiến Tổng mức đầu tư	Dự kiến Kế hoạch vốn	Sự cần thiết đầu tư	Chủ đầu tư
4	Cải tạo Đài tưởng niệm thị xã	Phường Sông Bờ	Xây lại tường rào, cải tạo bia tường niệm và các hạng mục phụ.	2017	1.021,823	880,000	Hiện tại đang xuống cấp	Ban quản lý các dự án DT XD CB thị xã
5	Điện chiếu sáng; hệ thống nước sạch Bôn Banh	Phường Cleo Reo	L=150m xây dựng hệ thống điện chiếu sáng; hệ thống nước sạch.	2017	654,800	589,300	Hiện chưa có điện chiếu sáng, nước sạch	Ban quản lý các dự án DT XD CB thị xã
III	Nguồn vốn chính trang đô thị				6.345,077	4.000,000		
1	Công viên Bến Mông (Giai đoạn 1)	Phường Sông Bờ	San lấp mặt bằng; sân, đường nội bộ, trồng cây, đèn bù.	2017	6.345,077	4.000,000		Ban quản lý các dự án DT XD CB thị xã
IV	Nguồn thu để lại cho đầu tư nhưng chưa đưa vào cân đối ngân sách địa phương				1.215,000	1.090,000		
1	Chợ thị xã Ayun Pa; Hạng mục: Cải tạo sửa chữa quầy thực phẩm rau quả, xây mới công chợ và phòng để thiết bị PCCC	Phường Đoàn kết	Sửa chữa quầy thực phẩm rau quả, xây mới công chợ và phòng để thiết bị PCCC	2017	1.215,000	1.090,000	Hiện trạng đang xuống cấp.	Ban quản lý chợ thị xã Ayun pa
V	Nguồn đầu giả đất năm 2016 chuyển nguồn sang năm 2017				12.349,928	9.874,145		
a	Công trình chuyển tiếp					1.275,000		
1	Đường Hoàng Văn Thụ	Phường Đoàn kết	L=384m; trải lớp thảm bê tông nhựa 7cm.	2016-2017		1.275,000	Hiện trạng đường đang xuống cấp	Ban quản lý các dự án DT XD CB thị xã
b	Công trình khởi công mới				12.349,928	8.599,145		
1	Mở rộng mặt đường mương thoát nước đường Lê Hồng Phong nổi dài (bên hông trụ sở P Đoàn Kết)	Phường Đoàn kết	Mở rộng mặt đường Bm=10,5m; L=184,68m bê tông nhựa dày 7cm; xây dựng mương thoát nước hai bên tuyến; lát vỉa hè bên hông trụ sở UBND phường	2017	1.664,926	1.464,000	Chỉnh trang đô thị	Ban quản lý các dự án DT XD CB thị xã

Số TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Quy mô, thiết kế	Thời gian KC-HT	Dự kiến Tổng mức đầu tư	Dự kiến Kế hoạch vốn	Sự cần thiết đầu tư	Chủ đầu tư
2	Sửa chữa nạo vét mương thoát nước đường Lê Lai, phường Sông Bờ	Phường Sông Bờ	Xây dựng bó vĩa, đan rãnh hai bên, mương thoát nước dọc, mương xây đầy đan hai bên tuyến.	2017	1.430,000	1.287,000	Chỉnh trang đô thị	Ban quản lý các dự án ĐT XDCB thị xã
3	Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020	Thị xã Ayun Pa	Lập điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất	2017	1.304,000	1.174,000	Bổ trí 10% cho công tác đo đạc đăng ký QSDĐ	Phòng Tài nguyên môi trường
4	Nâng cấp đường Lý Thường Kiệt; Hạng mục: Nền, mặt đường và công thoát nước	Phường Cheo Reo	L=220m; Bn=13,4; Bm=10,5m mặt đường bê tông xi măng, hệ thống thoát nước dọc.	2017-2018	3.879,702	1.020,000	Hiện tại đường đang xuống cấp	Ban quản lý các dự án ĐT XDCB thị xã
5	Trường THCS Trần Hưng Đạo	Phường Đoàn kết	Mương thoát nước sân trường	2017	382,000	343,200	Hiện tại bị ngập úng vào mùa mưa	Ban quản lý các dự án ĐT XDCB thị xã
6	Trường THCS Nguyễn Viết Xuân	Xã Ia Rô	Sửa chữa nền các phòng học, sơn lại các lớp học và dăm vữa sân bê tông	2017	642,000	577,000	Đạt chuẩn nông thôn mới	Ban quản lý các dự án ĐT XDCB thị xã
7	Trường Tiểu học Lê Hồng Phong	Xã Ia Rô	Phòng thư viện + y tế 110m ² , 182m tường rào thoáng, 896 m ² sân bê tông	2017	847,000	762,000	Đạt chuẩn nông thôn mới	Ban quản lý các dự án ĐT XDCB thị xã
8	Trường mẫu giáo Sơn Ca	Xã Ia Rô	184m tường rào kín	2017	450,000	400,000	Đạt chuẩn QG cấp độ 1	Ban quản lý các dự án ĐT XDCB thị xã
9	Nâng cấp sửa chữa làm mới các tuyến đường giao thông ngõ xóm	Xã Ia Rô	Tổng chiều dài L=1,5 km	2017	1.112,000	1.000,000	Đạt chuẩn nông thôn mới	UBND xã Ia Rô
10	Sửa chữa các đoạn kênh mương hư hỏng và bể hút thuộc trạm bơm điện HTX Tín Lập	Xã Ia Rô	Chiều dài tuyến L= 305,5m; KT(bxh)= (40x60)cm, xây đá học, dày 30cm	2017	98,300	88,460	Đạt chuẩn nông thôn mới	UBND xã Ia Rô
11	Cầu qua kênh N25B; đắp đất nền và 02 cống qua đường hẻm Nguyễn Huệ, phường Hòa Bình	Phường Hòa Bình	Tổng chiều dài L= 233,9m	2017	540,000	483,485	Hiện tại đang xuống cấp	UBND phường Hòa Bình
VI	Nguồn kết dư năm 2016				4.950,000	7.256,990		
a	Công trình chuyển tiếp					3.243,277		

Số TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Quy mô, thiết kế	Thời gian KC-HT	Dự kiến Tổng mức đầu tư	Dự kiến Kế hoạch vốn	Sự cần thiết đầu tư	Chủ đầu tư
1	Trường TH Nguyễn Trãi	Xã la Sao	Hàng rào 150m; sửa chữa phòng họp hội đồng.	2016-2017		981,730	Công trình chuyển tiếp	Ban quản lý các dự án DT XD CB thị xã
2	Cải tạo Quảng trường 19/3	Phường Đoàn Kết	Hàng mục: San lấp mặt bằng; sân, đường nội bộ, trồng cây.	2016-2017		2.261,547	Công trình chuyển tiếp	Ban quản lý các dự án DT XD CB thị xã
b	Công trình khởi công mới				4.950,000	4.013,713		
1	Cải tạo, sửa chữa trụ sở xã la Rô	Xã la Rô	Sửa chữa trụ sở làm việc	2017	440,000	396,000	Đạt chuẩn nông thôn mới	Ban quản lý các dự án DT XD CB thị xã
2	Tường rào bảo vệ Ban chỉ huy Quân sự	Ayun Pa		2017	660,000	585,750	Hiện nay chưa có hàng rào	Ban chỉ huy Quân sự thị xã
3	Lắp đặt Camera giám sát an ninh, giao thông	Ayun Pa		2017	1.220,000	1.093,827	Để giảm thiểu tai nạn giao thông	Công an thị xã
4	Bãi vật cản huấn luyện	Ayun Pa		2017	105,000	92,136	Đảm bảo công tác huấn luyện	Ban chỉ huy Quân sự thị xã
5	Cải tạo, sửa chữa đường Ngô Quyền	Phường Hòa Bình	Láng nhựa; mương thoát nước dọc; thoát nước ngang	2017	2.340,000	1.681,000	Hiện tại đường đang xuống cấp	Ban quản lý các dự án DT XD CB thị xã
6	Lắp đặt bàn đồ công bố điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng thị xã Ayun Pa	Ayun Pa	Bản đồ quy hoạch, rộng 6m, cao 4m	2017	185,000	165,000	Công bố quy hoạch chung của thị xã	Phòng Quản lý đô thị thị xã
VII	Nguồn đầu giá đất tăng thu năm 2017				6.000,000	1.750,000		
1	Trường THCS Nguyễn Viết Xuân + Trường Tiểu học Lê Hồng Phong	Xã la Rô	Đền bù, GPMB; nhà học bộ môn; phòng chức năng; nhà thi đấu đa năng; hàng rào và các công trình phụ	2017-2018	6.000,000	1.750,000	Đạt chuẩn Quốc gia	Ban quản lý các dự án DT XD CB thị xã
VIII	Các nguồn vốn hợp pháp khác				7.088,000	6.361,040		
1	Nâng cấp đường và hệ thống mương thoát nước Buôn Ma Dìung	Phường Đoàn Kết	Đường giao thông nông thôn loại B; bề rộng nền đường 3,6m, mặt đường B=3m	2017	950,000	855,000	Hiện trạng đang xuống cấp	Ban quản lý các dự án DT XD CB thị xã
2	Đường nội bộ Nghĩa trang thị xã Ayun Pa	Ayun Pa	Nền, mặt đường BTXM bề rộng nền đường 4m, mặt đường B=3m	2017	970,000	868,500	Xử lý môi trường tạo cảnh quan	Đội công trình đô thị

Số TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Quy mô, thiết kế	Thời gian KC-HT	Dự kiến Tổng mức đầu tư	Dự kiến Kế hoạch vốn	Sự cần thiết đầu tư	Chủ đầu tư
3	Tường rào kín xung quanh Thị ủy Ayun Pa	Phường Đoàn Kết	L= 458,0m	2017	1.000,000	900,000	Hiện trạng đang xuống cấp mưa gió bị sập đổ	Ban quản lý các dự án ĐT XD CB thị xã
4	Kiến cổ hóa kênh tưới N29-1B, xã Ia Rbol	Xã Ia Rbol	L= 820m; kích thước (BxH)=(5,0 x 7,0)m	2017	925,000	829,000	Phục vụ tưới tiêu cho lúa 02 vụ trên địa bàn xã Ia Rbol	Phòng Kinh tế thị xã
5	Đường nội đồng xã Chư Băh	Xã Chư Băh	Nền, mặt đường BTXM bề rộng nền đường 5m, mặt đường B=3m	2017	900,000	800,000	Hiện trạng là đường đất	UBND xã Chư Băh
6	Trường THCS Dân tộc nội trú	Phường Đoàn Kết	Nhà vệ sinh học sinh (10 phòng)	2017	550,000	495,000	Phục vụ nhu cầu sinh hoạt của học sinh	Trường THCS Dân tộc nội trú
7	Trường TH Nay Der	Phường Đoàn Kết	Nhà vệ sinh học sinh (10 phòng)	2017	410,000	369,000	Phục vụ nhu cầu sinh hoạt của học sinh	Trường Nay Der
8	Trường TH Lê Hồng Phong	Xã Ia Rô	Nhà vệ sinh giáo viên (02 phòng)	2017	75,000	67,500	Phục vụ nhu cầu sinh hoạt của giáo viên	Trường TH Lê Hồng Phong
9	Trường THCS Nguyễn Huệ	Phường Đoàn Kết	Nhà vệ sinh học sinh (04 phòng)	2017	108,000	97,200	Phục vụ nhu cầu sinh hoạt của học sinh	Trường THCS Nguyễn Huệ
10	Trường THCS Lê Lợi	Xã Ia Sao	Mương thoát nước L= 172,8m	2017	220,000	197,840	Xử lý ngập úng	Trường THCS Lê Lợi
11	T trồng cây xanh vỉa hè thị xã Ayun Pa	Phường Đoàn Kết	Trồng cây đường Nguyễn Huệ	2017	980,000	882,000	Thay thế cây cho đồng bộ, tạo mỹ quan đô thị	Phòng Quản lý đô thị thị xã
					31.604,000	32.233,000		
I	Nguồn vốn tỉnh phân cấp				15.409,000	14.200,000		
a	Lĩnh vực giáo dục-ĐT (tối thiểu 30%)				5.790,000	4.636,000		
1	Trường TH Chu Văn An	Xã Ia Rbol	Nhà hiệu bộ, phòng học và các hạng mục phụ: khu vệ sinh, hàng rào; trang thiết bị	2018-2019	3.200,000	2.365,000	Đảm bảo tiêu chí Nông thôn mới	Ban quản lý dự án ĐT xây dựng thị xã

Số TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Quy mô, thiết kế	Thời gian KC-HT	Dự kiến Tổng mức đầu tư	Dự kiến Kế hoạch vốn	Sự cần thiết đầu tư	Chủ đầu tư
2	Trường mẫu giáo Vành Khuyen	Xã Ia Rbol	Nhà bếp 80m ² ; nhà vệ sinh giáo viên và học sinh 90m ² ; phòng thể chất, nghệ thuật 60m ² ; thiết bị; hàng rào 260m; phòng ban giám hiệu; nhà xe...	2018	2.590,000	2.271,000	Đạt chuẩn Quốc gia	Ban quản lý dự án DT xây dựng thị xã
b	Các lĩnh vực khác				7.915,000	7.860,000		
b1	Công trình chuyển tiếp					1.490,000		
1	Nâng cấp đường Lý Thường Kiệt; Hàng mục: Nền, mặt đường và cống thoát nước	Phường Chèo Reo	L=220m; Bn=13,4; Bm=10,5m mặt đường bê tông xi măng, hệ thống thoát nước dọc.	2017-2018		1.490,000	Công trình chuyển tiếp	Ban quản lý dự án DT xây dựng thị xã
b2	Công trình khởi công mới				7.915,000	6.370,000		
1	Trụ sở UBND xã Ia Rbol; hàng mục: Hội Trường; nhà làm việc Ban chỉ huy quân sự; nhà để xe	Xã Ia Rbol	Hội trường: nhà cấp 4; DTXD 331,9m ² ; chiều cao trần 4,65m, cao độ đỉnh mái: 9,71m, trang thiết bị; NLV Ban chỉ huy quân sự: nhà cấp 4; DTXD 90m ² ; chiều cao trần 3,6m; cao độ đỉnh mái 6,0m; nhà để xe, Tường rào	2018	3.115,000	2.730,000	Đạt chuẩn nông thôn mới	Ban quản lý dự án DT xây dựng thị xã
2	Trụ sở Ban chỉ huy quân sự xã Chư Băh	Xã Chư Băh	DTXD 90m ² ; trang thiết bị.	2018	450,000	375,000	Chưa có trụ sở riêng	Ban quản lý dự án DT xây dựng thị xã
3	Điện chiếu sáng đường Đông Trường Sơn (từ cầu Bón Mông đến Bón Knic)	Phường Sông Bờ	Hệ thống điện chiếu sáng L=450m	2018	450,000	375,000	Hiện chưa có đường điện chiếu sáng	Ban quản lý dự án DT xây dựng thị xã
4	Nâng cấp đường và hệ thống mương thoát nước trong Bón Knic.	Phường Sông Bờ	L=800m; nâng cấp đường; mương thoát nước.	2018	1.100,000	960,000	Hiện trạng đường đang xuống cấp.	Ban quản lý dự án DT xây dựng thị xã
5	Nâng cấp đường và hệ thống điện, nước khu dân cư xã Chư Băh	Xã Chư Băh	L=360m; Bn=10,5; Bm=8m; mương thoát nước, hệ thống điện, nước sinh hoạt.	2018	1.300,000	1.130,000	Hiện tại đường đang xuống cấp, chưa có hệ thống điện, nước sinh hoạt	Ban quản lý dự án DT xây dựng thị xã

Số TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Quy mô, thiết kế	Thời gian KC-HT	Dự kiến Tổng mức đầu tư	Dự kiến Kế hoạch vốn	Sự cần thiết đầu tư	Chủ đầu tư
6	Nhà sinh hoạt tổ dân phố 01 phường Đoàn Kết	Phường Đoàn Kết	Nhà cấp IV, 01 tầng; Diện tích xây dựng: 62,32m ²	2018	350,000	200,000	Tạo điều kiện cho nhân dân hội họp, giao lưu văn hóa.	UBND phường Đoàn Kết
7	Nhà sinh hoạt tổ dân phố 02 phường Đoàn Kết	Phường Đoàn Kết	Nhà cấp IV, 01 tầng; Diện tích xây dựng: 62,32m ²	2018	450,000	200,000	Tạo điều kiện cho nhân dân hội họp, giao lưu văn hóa.	UBND phường Đoàn Kết
8	Nhà sinh hoạt tổ dân phố 02 phường Sông Bờ	Phường Sông Bờ	Nhà cấp IV, 01 tầng; Diện tích xây dựng: 62,32m ²	2018	350,000	200,000	Tạo điều kiện cho nhân dân hội họp, giao lưu văn hóa.	UBND phường Sông Bờ
9	Nhà sinh hoạt tổ dân phố 05 phường Hòa Bình	Phường Hòa Bình	Nhà cấp IV, 01 tầng; Diện tích xây dựng: 62,32m ²	2018	350,000	200,000	Tạo điều kiện cho nhân dân hội họp, giao lưu văn hóa.	UBND phường Hòa Bình
c	Vốn chuẩn bị đầu tư năm 2019 (2%)				284,000	284,000		
d	Dự phòng 10%				1.420,000	1.420,000		
II	Nguồn vốn thu tiền sử dụng đất				7.495,000	6.520,000		
a	Các khoản bố trí theo quy định				2.620,000	2.620,000		
1	Trích nộp quỹ phát triển đất 30%				1.950,000	1.950,000		
2	Trích nộp tiền thuê mặt đất, mặt nước				20,000	20,000		
3	Bố trí 10% cho công tác đo đạc đăng ký QSDĐ, xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai.				650,000	650,000		Phòng Tài nguyên môi trường
b	Công trình khởi công mới				4.875,000	3.900,000		
1	Vốn đối ứng Sửa chữa đường từ Quốc lộ 25 đi UBND xã Chư Băh	Thị xã Ayun Pa	Xử lý những điểm bị lún	2018-2019	2.650,000	1.900,000	Hiện tại đường đang xuống cấp	Ban quản lý dự án ĐT xây dựng thị xã
2	Đường Nguyễn Du	Phường Sông Bờ	L=265m; bê tông xi măng.	2018	2.225,000	2.000,000	Hiện trạng đường đất	Ban quản lý dự án ĐT xây dựng thị xã
III	Nguồn vốn chính trang đô thị					1.711,000		

10/10

STT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Quy mô, thiết kế	Thời gian KC-HT	Dự kiến Tổng mức đầu tư	Dự kiến Kế hoạch vốn	Sự cần thiết đầu tư	Chủ đầu tư
1	Công viên Bến Mộng (Giai đoạn 1)	Phường Sông Bờ	San lấp mặt bằng; sân, đường nội bộ; trồng cây, hệ thống điện chiếu sáng; hệ thống nước; khu thể thao, đền bù ...	2017-2018		1.711,000	Công trình chuyển tiếp	Ban quản lý dự án DT xây dựng thị xã
IV	Nguồn kết dư				2.300,000	2.425,000		
a	Công trình chuyển tiếp					425,000		
1	Cải tạo, sửa chữa đường Ngổ Quyền	Ayun Pa	Láng nhựa; mương thoát nước dọc; thoát nước ngang	2017-2018		425,000	Công trình chuyển tiếp	Ban quản lý các dự án DT XD CB thị xã
b	Công trình khởi công mới				2.300,000	2.000,000		
2	Trường THCS Đinh Tiên Hoàng	Xã Ia Rbol	Nhà thi đấu đa năng	2018	2.300,000	2.000,000	Đạt chuẩn Quốc gia	Ban quản lý các dự án DT XD CB thị xã
V	Nguồn vốn khác				6.400,000	7.377,000		
a	Công trình chuyển tiếp					3.650,000		
1	Trường THCS Nguyễn Viết Xuân + Trường Tiểu học Lê Hồng Phong	Xã Ia Rô	Đền bù, GPMB; nhà học bộ môn; phòng chức năng; nhà thi đấu đa năng; hàng rào và các công trình phụ	2017-2018		3.650,000	Đạt chuẩn Quốc gia	Ban quản lý các dự án DT XD CB thị xã
b	Công trình khởi công mới				6.400,000	3.727,000		
1	Kiến cổ hóa kênh tưới N25-B4, phường Hòa Bình	Phường Hòa Bình	L=720m; kích thước (BxH)=(5,0 x 7,0)m	2018	1.000,000	900,000	Hiện nay là kênh đất	Phòng Kinh tế thị xã
2	Trồng cây xanh via hè thị xã Ayun Pa	Phường Đoàn Kết	Trồng cây đường Nguyễn Huệ	2018	1.000,000	900,000	Thay thế cây cho đồng bộ, tạo mỹ quan đô thị	Phòng Quản lý đô thị thị xã
3	Điện chiếu sáng đường Nguyễn Văn Trỗi	Phường Hòa Bình		2018	450,000	405,000	Hiện nay chưa có hệ thống điện chiếu sáng	Đội công trình đô thị
4	Trường THCS Đinh Tiên Hoàng	Xã Ia Rbol	Nhà vệ sinh học sinh (10 phòng)	2018	450,000	405,000	Đạt chuẩn Quốc gia	Ban quản lý dự án DT xây dựng thị xã
5	Điểm trường MG Sao Mai	Phường Đoàn Kết	Sân bê tông, tường rào	2018	500,000	450,000	Chưa có hàng rào, sân lấy lợi	Ban quản lý dự án DT xây dựng thị xã

Số TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Quy mô, thiết kế	Thời gian KC-HT	Dự kiến Tổng mức đầu tư	Dự kiến Kế hoạch vốn	Sự cần thiết đầu tư	Chủ đầu tư
6	Đường vào bãi rác thị xã Ayun Pa	Xã Ia Sao	Đường BTXM	2018-2020	3.000,000	667,000	Đường cấp phối lấy lợi vào mùa mưa	Ban quản lý dự án ĐT xây dựng thị xã
	Năm 2019				24.159,000	30.965,000		
I	Nguồn vốn tỉnh phân cấp				17.754,000	14.200,000		
a	Lĩnh vực giáo dục-ĐT (tối thiểu 30%)				10.840,000	8.196,000		
a1	Công trình chuyển tiếp					480,000		
1	Trường TH Chu Văn An	Xã Ia Rbol	Nhà hiệu bộ, phòng học và các hạng mục phụ: khu vệ sinh, hàng rào; trang thiết bị	2018-2019		480,000	Công trình chuyển tiếp	Ban quản lý dự án ĐT xây dựng thị xã
a2	Công trình khởi công mới				10.840,000	7.716,000		
1	Trường mẫu giáo Tuổi Thơ	Xã Chư Băh	Nhà bếp 80m2; phòng thể chất, nghệ thuật 60m2, thiết bị; nhà vệ sinh giáo viên và học sinh; nhà xe...	2019	2.250,000	1.986,000	Đạt chuẩn Quốc gia	Ban quản lý dự án ĐT xây dựng thị xã
2	Trường mẫu giáo Hoa Phượng	Xã Ia Sao	Nhà bếp 80m2; phòng ban giám hiệu; phòng thể chất, nghệ thuật 60m2, thiết bị; nhà vệ sinh giáo viên và học sinh; hàng rào; nhà xe...	2019	2.590,000	2.330,000	Đạt chuẩn Quốc gia	Ban quản lý dự án ĐT xây dựng thị xã
3	Trường THCS Lê Lợi	Xã Ia Sao	Nhà học bộ môn; nhà thi đấu đa năng; 324m2; phòng y tế; nhà để xe; các hạng mục phụ	2019-2020	6.000,000	3.400,000	Đạt chuẩn Quốc gia	Ban quản lý dự án ĐT xây dựng thị xã
b	Các lĩnh vực khác				5.210,000	4.300,000		
1	Trụ sở UBND xã Chư Băh; hạng mục: sân nền, cổng, cây xanh, hệ thống nước, nhà xe.	Xã Chư Băh	Sơn sửa trụ sở; sân nền, cổng, cây xanh, hệ thống nước, nhà xe.	2019	560,000	500,000	Hiện trạng đang xuống cấp	Ban quản lý dự án ĐT xây dựng thị xã
2	Sửa chữa trụ sở UBND phường Chero Reo	Phường Chero Reo	Cải tạo nhà làm việc; thiết bị bàn ghế	2019	450,000	400,000	Trụ sở xuống cấp	Ban quản lý dự án ĐT xây dựng thị xã
3	Trụ sở Ban chỉ huy quân sự phường Chero Reo	Phường Chero Reo	Cải tạo sửa chữa nhà làm việc cũ; trang thiết bị.	2019	450,000	400,000	Chưa có trụ sở riêng	Ban quản lý dự án ĐT xây dựng thị xã

STT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Quy mô, thiết kế	Thời gian KC-HT	Dự kiến Tổng mức đầu tư	Dự kiến Kế hoạch vốn	Sự cần thiết đầu tư	Chủ đầu tư
4	Trụ sở Ban chỉ huy quân sự phường Hòa Bình	Phường Hòa Bình	DTXD 90m2; thiết bị	2019	450,000	400,000	Chưa có trụ sở riêng	Ban quản lý dự án DT xây dựng thị xã
4	Hội trường UBND xã La Sao	Xã La Sao	Nhà cấp 4; DTXD 311,9m2; trang thiết bị.	2019	2.250,000	2.000,000	Đạt chuẩn nông thôn mới	Ban quản lý dự án DT xây dựng thị xã
5	Nhà sinh hoạt tổ dân phố 05 phường Đoàn Kết	Phường Đoàn kết	Nhà cấp IV, 01 tầng; Diện tích xây dựng: 62,32m2	2019	350,000	200,000	Tạo điều kiện cho nhân dân hội họp, giao lưu văn hóa.	UBND phường Đoàn Kết
6	Nhà sinh hoạt tổ dân phố 02 phường Hòa Bình	Phường Hòa Bình	Nhà cấp IV, 01 tầng; Diện tích xây dựng: 62,32m2	2019	350,000	200,000	Tạo điều kiện cho nhân dân hội họp, giao lưu văn hóa.	UBND phường Hòa Bình
7	Nhà sinh hoạt tổ dân phố 05 phường Cheo Reo	Phường Cheo Reo	Nhà cấp IV, 01 tầng; Diện tích xây dựng: 62,32m2	2019	350,000	200,000	Tạo điều kiện cho nhân dân hội họp, giao lưu văn hóa.	UBND phường Cheo Reo
c	Vốn chuẩn bị đầu tư năm 2020 (2%)				284,000	284,000		
d	Dự phòng 10%				1.420,000	1.420,000		
II	Nguồn vốn thu tiền sử dụng đất				6.405,000	6.005,000		
a	Trích nộp				2.405,000	2.405,000		
1	Trích nộp quỹ p.triển đất 30%				1.800,000	1.800,000		
2	Trích nộp tiền thuê mặt đất, mặt nước				5,000	5,000		
3	Bổ trí 10% cho công tác đo đạc đăng ký QSDĐ, xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai.				600,000	600,000		Phòng Tài nguyên môi trường
c	Công trình khởi công mới				4.000,000	3.600,000		
1	Nâng cấp đường và hệ thống thoát nước khu dân cư Bình Hòa	Phường Sông Bờ	L=860m; Bn=10,5; Bm=8m; trải nhựa, mương thoát nước.	2019	2.300,000	2.070,000	Chỉnh trang đô thị, tạo quỹ đất đầu giá	Ban quản lý dự án DT xây dựng thị xã
2	Hệ thống mương thoát nước dọc đường Ngõ Mây	Phường Đoàn kết	Mương thoát nước dọc	2019	1.700,000	1.530,000	Hiện chưa có mương thoát nước dọc	Ban quản lý dự án DT xây dựng thị xã
III	Nguồn vốn chính trang đô thị					4.000,000		

Số TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Quy mô, thiết kế	Thời gian KC-HT	Dự kiến Tổng mức đầu tư	Dự kiến Kế hoạch vốn	Sự cần thiết đầu tư	Chủ đầu tư
1	Công viên Bến Mộng (Giai đoạn 2)	Phường Sông Bờ	Xây dựng hạ tầng	2019-2020	8.900,000	4.000,000	Đầu tư hạ tầng tạo mỹ quan đô thị	Ban quản lý dự án DT xây dựng thị xã
IV	Nguồn kết dư					2.000,000		
1	Trường THCS Phạm Hồng Thái	Xã Chư Băh	Nhà học bộ môn 2 tầng; nhà hiệu bộ; sửa chữa phòng học; nhà thi đấu đa năng: 324m ² ; nhà để xe; các hạng mục phụ	2019-2020	6.000,000	2.000,000	Đạt chuẩn Quốc gia	Ban quản lý dự án DT xây dựng thị xã
V	Nguồn vốn khác				4.250,000	4.760,000		
a	Công trình chuyển tiếp					1.000,000		
1	Đường vào bãi rác thị xã Ayun Pa	Xã Ia Sao	Đường BTXM	2018-2020		1.000,000	Đường cấp phối lấy lợi vào mùa mưa	Ban quản lý các dự án DT XDCB thị xã
b	Công trình khởi công mới				4.250,000	3.760,000		
1	Trường TH Nguyễn Trãi	Xã Ia Sao	Cải tạo phòng học: 8 phòng; nhà vệ sinh; nhà để xe; sân chơi bãi tập và các hạng mục phụ	2019	1.350,000	1.160,000	Đạt chuẩn Quốc gia	Ban quản lý dự án DT xây dựng thị xã
2	Kênh mương nội đồng	Phường Đoàn Kết	L= 700m; kích thước (BxH)= (5,0 x 7,0)m	2019	1.000,000	900,000	Hiện nay là kênh đất	Phòng Kinh tế thị xã
3	Kênh mương nội đồng	Phường Sông Bờ	L= 700m; kích thước (BxH)= (5,0 x 7,0)m	2019	900,000	800,000	Hiện nay là kênh đất	Phòng Kinh tế thị xã
4	Trồng cây xanh vỉa hè thị xã Ayun Pa	Phường Đoàn Kết	Trồng cây đường Nguyễn Huệ	2019	1.000,000	900,000	Thay thế cây cho đồng bộ, tạo mỹ quan đô thị	Phòng Quản lý đô thị thị xã
	Năm 2020				23.019,000	30.813,000		
I	Nguồn vốn tính phân cấp				10.289,000	14.200,000		
a	Lĩnh vực giáo dục-DT (tối thiểu 30%)					5.400,000		
a.1	Công trình chuyển tiếp					5.400,000		

STT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Quy mô, thiết kế	Thời gian KC-HT	Dự kiến Tổng mức đầu tư	Dự kiến Kế hoạch vốn	Sự cần thiết đầu tư	Chủ đầu tư
1	Trường THCS Phạm Hồng Thái	Xã Chư Băh	Nhà học bộ môn 2 tầng; nhà hiệu bộ; sửa chữa phòng học; nhà thi đấu đa năng: 324m ² ; nhà để xe; các hạng mục phụ	2019-2020		3.400,000	Đạt chuẩn Quốc gia	Ban quản lý dự án ĐT xây dựng thị xã
2	Trường THCS Lê Lợi	Xã Ia Sao	Nhà học bộ môn; nhà thi đấu đa năng: 324m ² ; phòng y tế; nhà để xe; các hạng mục phụ	2019-2020		2.000,000	Đạt chuẩn Quốc gia	Ban quản lý dự án ĐT xây dựng thị xã
b	Các lĩnh vực khác				8.585,000	7.096,000		
1	Cải tạo sửa chữa trụ sở UB Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thị xã.	Phường Đoàn kết	Cải tạo nhà vệ sinh, hệ thống nước, sơn sửa trụ sở	2020	680,000	606,000	Sửa chữa thường xuyên	Ban quản lý dự án ĐT xây dựng thị xã
2	Hệ thống điện chiếu sáng công lộ dọc Tỉnh lộ 668, Quốc lộ 25	Thị xã Ayun Pa	Đoàn từ UBND xã Ia Sao đến hết xã Ia Riô	2020	560,000	500,000	Hiện nay chưa có hệ thống điện chiếu sáng	Ban quản lý dự án ĐT xây dựng thị xã
3	Thiết bị đài truyền thanh truyền hình	Thị xã Ayun Pa	Đầu vệ tinh, máy phát hình, Camera.	2020	1.100,000	990,000	Xuống cấp cần đầu tư	Ban quản lý dự án ĐT xây dựng thị xã
4	Via hè đường Nguyễn Huệ (đoàn từ Phòng Giáo dục đến Trung tâm Bồi dưỡng Chính trị)	Thị xã Ayun Pa	L=485m; lát gạch block vỉa hè	2020	1.245,000	1.120,000	Chỉnh trang đô thị	Ban quản lý dự án ĐT xây dựng thị xã
5	Nâng cấp đường Tăng Bạc Hổ	Thị xã Ayun Pa		2020	1.200,000	1.000,000	Hiện trạng đường đang xuống cấp	Ban quản lý dự án ĐT xây dựng thị xã
6	Sửa chữa trụ sở phường Hòa Bình	Phường Hòa Bình	Cải tạo nhà làm việc; thiết bị bàn ghế	2020	650,000	580,000	Hiện trạng đang xuống cấp	Ban quản lý dự án ĐT xây dựng thị xã
7	Nhà sinh hoạt tổ dân phố 03 phường Hòa Bình	Phường Hòa Bình	Nhà cấp IV, 01 tầng; Diện tích xây dựng: 62,32m ²	2020	350,000	200,000	Tạo điều kiện cho nhân dân hội họp, giao lưu văn hóa.	UBND phường Hòa Bình
8	Nhà sinh hoạt tổ dân phố 07 phường Hòa Bình	Phường Hòa Bình	Nhà cấp IV, 01 tầng; Diện tích xây dựng: 62,32m ²	2020	350,000	200,000	Tạo điều kiện cho nhân dân hội họp, giao lưu văn hóa.	UBND phường Hòa Bình
9	Nhà sinh hoạt tổ dân phố 05 phường Đoàn Kết	Phường Sông Bô	Nhà cấp IV, 01 tầng; Diện tích xây dựng: 62,32m ²	2020	350,000	200,000	Tạo điều kiện cho nhân dân hội họp, giao lưu văn hóa.	UBND phường Sông Bô

16

Số TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Quy mô, thiết kế	Thời gian KC-HT	Dự kiến Tổng mức đầu tư	Dự kiến Kế hoạch vốn	Sự cần thiết đầu tư	Chủ đầu tư
10	Nhà sinh hoạt tổ dân phố 01 phường Sông Bờ	Phường Sông Bờ	Nhà cấp IV, 01 tầng; Diện tích xây dựng: 62,32m ²	2020	350,000	200,000	Tạo điều kiện cho nhận dân hội hợp, giao lưu văn hóa.	UBND phường Sông Bờ
11	Trụ sở UBND phường Sông Bờ; Hạng mục: Nhà làm việc bộ phận tiếp nhận và trả kết quả	Phường Sông Bờ	Diện tích xây dựng 40m ²	2020	350,000	300,000	Trụ sở xuống cấp	Ban quản lý dự án ĐT xây dựng thị xã
12	Trụ sở UBND phường Hòa Bình; Hạng mục: Nhà làm việc bộ phận tiếp nhận và trả kết quả	Phường Hòa Bình	Diện tích xây dựng 40m ²	2020	350,000	300,000	Trụ sở xuống cấp	Ban quản lý dự án ĐT xây dựng thị xã
13	Trụ sở UBND xã Ia Sao; Hạng mục: Nhà làm việc bộ phận tiếp nhận và trả kết quả	Xã Ia Sao	Diện tích xây dựng 40m ²	2020	350,000	300,000	Trụ sở xuống cấp	Ban quản lý dự án ĐT xây dựng thị xã
14	Trụ sở UBND xã Ia Rô; Hạng mục: Nhà làm việc bộ phận tiếp nhận và trả kết quả	Xã Ia Rô	Diện tích xây dựng 40m ²	2020	350,000	300,000	Trụ sở xuống cấp	Ban quản lý dự án ĐT xây dựng thị xã
15	Trụ sở UBND xã Chư Băh; Hạng mục: Nhà làm việc bộ phận tiếp nhận và trả kết quả	Xã Chư Băh	Diện tích xây dựng 40m ²	2020	350,000	300,000	Trụ sở xuống cấp	Ban quản lý dự án ĐT xây dựng thị xã
c	Vốn chuẩn bị đầu tư năm 2021 (2%)				284,000	284,000		
d	Dự phòng 10%				1.420,000	1.420,000		
II	Nguồn vốn thu tiền sử dụng đất				9.830,000	7.500,000		
a	Trích nộp				3.030,000	3.030,000		
1	Trích nộp quỹ p.triển đất 30%				2.250,000	2.250,000		
2	Trích nộp tiền thuế mặt đất, mặt nước				30,000	30,000		
3	Bố trí 10% cho công tác đo đạc đăng ký QSDĐ, xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai.				750,000	750,000		Phòng Tài nguyên môi trường
b	Công trình khởi công mới				6.800,000	4.470,000		

100%

Số TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Quy mô, thiết kế	Thời gian KC-HT	Dự kiến Tổng mức đầu tư	Dự kiến Kế hoạch vốn	Sự cần thiết đầu tư	Chủ đầu tư
1	Nâng cấp đường Nguyễn Huệ	Thị xã Ayun Pa	L=1.500m; trải thêm 1 lớp nhựa 5cm.	2020	5.500,000	3.470,000	Hiện trạng đường đang xuống cấp	Ban quản lý dự án DT xây dựng thị xã
2	Cắm mốc khu quy hoạch tỷ lệ 1/500	thị xã Ayun Pa	Cắm mốc toàn thị xã	2020	1.300,000	1.000,000	Thực hiện quy hoạch	Ban quản lý dự án DT xây dựng thị xã
III	Nguồn vốn chính trang đô thị					4.000,000		
1	Công viên Bến Mộng (Giai đoạn 2)	Phường Sông Bò	Xây dựng hạ tầng	2019-2020		4.000,000		
IV	Nguồn kết dư ngân sách					1.480,000		
1	Nâng cấp đường Nguyễn Huệ	Thị xã Ayun Pa	L=1.500m; trải thêm 1 lớp nhựa 5cm.	2020		1.480,000	Công trình chuyển tiếp	Ban quản lý dự án DT xây dựng thị xã
V	Nguồn vốn khác					1.480,000	Hiện trạng đường đang xuống cấp	Ban quản lý dự án DT xây dựng thị xã
a	Công trình chuyển tiếp				2.900,000	3.633,000		
1	Đường vào bãi rác thị xã Ayun Pa	Xã Ia Sao	Đường BTXM	2018-2020		1.033,000	Đường cấp phối lấy lợi vào mùa mưa	Ban quản lý các dự án DT XDCB thị xã
b	Công trình khởi công mới				2.900,000	2.600,000		
1	Kênh mương nội đồng Phường Cheo Reo	Phường Cheo Reo	L=700m; kích thước (BxH)= (5,0 x 7,0)m	2020	1.000,000	900,000	Hiện nay là kênh đất	Phòng Kinh tế thị xã
2	Đường nội đồng Phường Cheo Reo	Phường Cheo Reo	L=1000m; đường BTXM	2020	900,000	800,000	Hiện nay là đường đất lấy lợi	Phòng Kinh tế thị xã
3	Trồng cây xanh vỉa hè thị xã Ayun Pa	Phường Đoàn Kết	Trồng cây đường Nguyễn Huệ	2020	1.000,000	900,000	Thay thế cây cho đồng bộ, tạo mỹ quan đô thị	Phòng Quản lý đô thị thị xã

18